

Bản án số: **38/2022/DS-PT**

Ngày 19/5/2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/3 và ngày 19/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2021/TLPT-DS ngày 22/12/2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn K, sinh năm 1948, (có mặt);

Trú tại xóm X T, xã P G, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn C Q, Luật sư Cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lương Văn L1, sinh năm 1974, (có mặt);

Trú tại xóm Đ D, xã P G, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bé Thị T, sinh năm 1946, trú tại xóm X T, xã P G, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thư là ông Dương Văn K (văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 7 năm 2019, (ông K có mặt)

3.2. Bà Dương Thị V, sinh năm 1973, trú tại xóm Đ D, xã P G, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.3. Ông Lương Văn V, sinh năm 1962, (vắng mặt).

3.4. Ông Lương Văn C, sinh năm 1958, (vắng mặt).

3.5. Ông Lương Văn L, sinh năm 1968, (vắng mặt).

Đều trú tại xóm Lân V, xã B L, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

3.6. Bà Lương Thị B, sinh năm 1973, (vắng mặt).

3.7. Bà Lương Thị Y, sinh năm 1969, (vắng mặt).

Đều trú tại xóm Đ C, xã H B, huyện H L, tỉnh L S.

3.8. Bà Lương Thị V1, sinh năm 1971, trú tại xóm Đ X, xã Y B, huyện H L, tỉnh Lạng Sơn, (vắng mặt).

3.9. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1956, trú tại xóm Đ B, xã Q T, huyện H L, tỉnh Lạng Sơn, (vắng mặt).

4. Người làm chứng: Ông Hoàng Xuân H1, sinh năm 1931, trú tại xóm X T, xã P G, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Văn K trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện nay tranh chấp với anh Lương Văn L1 là của bố mẹ, vợ ông khai phá, sau đó để lại cho vợ, chồng ông sử dụng từ năm 1971. Hiện nay bố mẹ, vợ ông đều đã chết. Thửa đất tranh chấp thuộc loại đất vườn tạp, tại xóm Đ D, xã P G, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích khoảng 700 m². Năm 1991, ông cho bà Bé Thị Hậu (là vợ hai của bố anh L1), mượn. Nay bố mẹ của anh L1 đều đã chết, khi mượn không làm giấy tờ gì, đến năm 1999 bà H hỏi mượn đất lâu dài và bà H có làm Giấy giao kèo mượn đất, bà H không biết chữ nên có điểm chỉ cả 5 ngón tay, ông không nhớ tay trái hay tay phải, không có người làm chứng, không có xác nhận của xóm, xã. Mục đích ông cho bà Hậu mượn đất để làm nhà ở, bà H làm nhà ở từ năm 1991 cho đến năm 2015 bà H chết, đến nay ngôi nhà vẫn còn, anh L1 đã chuyển đi nơi khác. Sau khi bà Hậu chết ông bắt đầu đòi lại đất cho mượn, nhưng anh L1 không trả, lúc này ông mới biết thửa đất cho bà H mượn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lương Văn M, bố đẻ anh L1. Ông đề nghị xóm, xã giải quyết, nhưng anh L1 không trả lại đất. Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ lợp phô xi măng (nhà bỏ hoang); 02 cây Vải ta; 01 cây móc Mật do bố mẹ vợ ông trồng, thửa đất trên ông chưa được cấp giấy tờ gì, lý do không kê khai để cấp giấy là do ông sử dụng để làm đất vườn. Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh L1 phải dỡ nhà trả lại thửa đất nêu trên cho gia đình ông sử dụng.

Bị đơn anh Lương Văn L1 trình bày: Thửa đất hiện đang tranh chấp giữa anh với ông K thuộc đất thổ cư, có diện tích 400 m², đã được Ủy ban nhân dân huyện V N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/01/1994 mang tên ông Lương Văn M, (bố đẻ anh) ông M, bà H mẹ kế đều đã chết, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi Lương Văn M, ghi nhầm họ là Lương). Qua thẩm định diện tích hiện nay là 338,8 m², thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 81, địa chỉ xã P G, gia đình anh đã sử dụng thửa đất này từ lâu, ngôi nhà ở làm từ năm 1988, quá trình sử dụng và kê khai không có

tranh chấp với ai. Nay ông K đòi lại đất anh không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình anh được quyền sử dụng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai:

Bà Bé Thị T3 trình bày: Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp với anh Lương Văn L1 như ông K (chồng bà) trình bày là đúng. Nay bà đề nghị anh L1 trả lại thửa đất trên cho gia đình bà sử dụng.

Chị Dương Thị V trình bày: Về nguồn gốc thửa đất nêu trên theo anh L1 (chồng chị) trình bày là đúng, từ khi chị về làm dâu gia đình anh L1, chị đã sử dụng thửa đất nêu trên ổn định, không có tranh chấp với ai. Nay chị đề nghị được quyền quản lý, sử dụng, không nhất trí trả lại thửa đất trên cho ông K.

Ông Lương Văn V, ông Lương Văn C, ông Lương Văn L, bà Lương Thị B, bà Lương Thị Y, bà Lương Thị V1 và bà Lương Thị T1 trình bày: Trước khi ông M và bà H chết không để lại di chúc về tài sản, nhưng đất đai đã chia đều cho các con trong gia đình. Nay ông K khởi kiện anh L1 đòi lại đất, thửa đất này anh L1 đang quản lý, sử dụng, các ông, bà không nhất trí trả lại đất, đề nghị giao cho anh L1 sử dụng và không có yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Hoàng Xuân H1 trình bày: Thửa đất hiện nay tranh chấp giữa ông K với anh L1 có nguồn gốc của ông Bé Văn T2 và bà Bé Thị N (bố mẹ đẻ bà Bé Thị T3, tức bố vợ ông K), thửa đất đó do ông K, bà T quản lý, sử dụng, hàng năm thường xuyên thu hái quả móc mật.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DSST, ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và Quyết định:

Căn cứ Điều 26; 35; 147; 157; 165; 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 97; 99; 100; 101; khoản 2 Điều 105; khoản 1, khoản 5 Điều 166; 202; 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn K, về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với anh Lương Văn L1.

2. Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp diện tích 338,8 m² đất và tài sản trên đất, có tổng trị giá 78.482.000 đồng cho anh Lương Văn L1 tại thửa số 168, diện tích 338,8m², tờ bản đồ số 81 xã Phương Giao, đã được UBND huyện V N, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/01/1994 số 00260 mang tên Lương Văn M, bố anh Lương Văn L1, Giấy chứng nhận có diện tích là 400 m², đất ở, không có sổ thửa, sổ bản đồ, (có sơ đồ thửa đất tranh chấp kèm theo).

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc ông Dương Văn K phải chịu 3.924.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí do ông K nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N, theo Biên lai số 0007623 ngày 29/4/2020. Ông Dương Văn K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 6.000.000 đồng, đã thu và chi phí hết.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2021, ông Dương Văn K kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Văn K vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngay tại Đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2019 của nguyên đơn ông Dương Văn K yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lương Văn M(bố đẻ bị đơn), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền xét xử của Tòa án. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, thửa đất: Không số, diện tích 400 m² đất ở, tờ bản đồ: Không số, đã được Ủy ban nhân dân huyện V N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00260 ngày 04/01/1994 mang tên hộ ông Lương Văn M(bố đẻ anh L1). Sau đó thửa đất nêu trên được đo đạc, chỉnh lý lại thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 81, diện tích 388,8 m² đất ONT, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc, xác định lại diện tích cụ thể của thửa đất nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng thửa đất tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn có nguồn gốc của nguyên đơn, năm 1991 nguyên đơn ông Dương Văn K cho bà Bé Thị H (mẹ kế bị đơn) mượn, nhưng đến năm 1999 hai bên mới làm giấy tờ mượn đất, bà H điểm chỉ vào giấy giao kèo. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ giấy giao kèo có phải do bà H điểm chỉ không? Thửa đất trong giấy giao kèo có đúng với thửa đất do các đương sự tranh chấp hay không?. Trong Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm không có thành phần tham gia tố tụng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng tại Bản án lại có 07 người tham gia tố tụng, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vi phạm Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại quyết định của Bản án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp diện tích 338,8 m² đất và tài sản trên đất, có tổng trị giá 78.482.000 đồng cho anh Lương Văn L1 là không đúng quy định của pháp luật, bởi thửa đất này đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ mang tên ông M, không mang tên anh L1. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn, trong vụ án này bị đơn không có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết là vượt quá phạm vi, thẩm quyền giải quyết.

[2] Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và trong quá trình giải quyết vụ án, chưa xác minh thu thập, đầy đủ tài liệu, chứng cứ và chưa làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguồn gốc thửa đất tranh chấp, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Xét thấy, cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như trên là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết của Viện kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như chưa xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ đối với nguồn gốc thửa đất tranh chấp là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn K.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DSST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Dương Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007905 ngày 30/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá được giải quyết lại ở cấp sơ thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 19/5/2022./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện V N;
- Chi cục THADS huyện V N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang

